|  |  |
| --- | --- |
| Scenario Number: | NF001 |
| Scenario Description: | Trang web của CGV phải có khả năng xử lý một lượng lớn người dùng đồng thời trong giờ cao điểm mà không bị suy giảm hiệu suất hoặc ngừng hoạt động. |
| Business Goals: | Đảm bảo rằng khách hàng có thể truy cập lịch chiếu phim, đặt vé và duyệt thông tin phim một cách suôn sẻ, ngay cả trong thời gian lưu lượng truy cập cao. |
| Relevant Quality: | Khả năng mở rộng (Scalability) |
| Attributes: | Scalability, Responsiveness |
| Scenario Components: | Người dùng truy cập website của CGV để kiểm tra lịch chiếu phim hoặc đặt vé.  Nhiều người dùng truy cập trang web cùng lúc trong giờ cao điểm. |
| Stimulus: | Khối lượng lớn các yêu cầu web đến. |
| Stimulus Source: | Người dùng đồng thời truy cập website để duyệt thông tin phim hoặc đặt vé. |
| Environment: | Môi trường web server của CGV trong giờ cao điểm, lưu lượng người dùng tăng đáng kể. |
| Response: | Trang web phải luôn phản hồi và xử lý tất cả các yêu cầu đến mà không có sự chậm trễ đáng chú ý. Người dùng có thể duyệt lịch chiếu phim, chọn chỗ ngồi và hoàn tất việc đặt vé một cách suôn sẻ. |
| Measure: | Thời gian phản hồi: Thời gian để trang web phản hồi yêu cầu của người dùng.  Thông lượng: Số lượng giao dịch thành công (ví dụ: đặt vé) được xử lý trên một đơn vị thời gian.  Tỷ lệ lỗi: Tỷ lệ giao dịch không thành công hoặc lỗi máy chủ gặp phải trong thời gian tải cao điểm.  Sử dụng tài nguyên máy chủ: Giám sát việc sử dụng CPU, bộ nhớ và mạng để đảm bảo rằng máy chủ có thể xử lý tải hiệu quả mà không đạt đến công suất. |

|  |  |
| --- | --- |
| Scenario Number: | NF002 |
| Scenario Description: | Ứng dụng di động CGV phải cung cấp giao diện thân thiện với người dùng, giúp khách hàng dễ dàng điều hướng, tìm kiếm phim và mua vé mà không gặp phải vấn đề về khả năng sử dụng. |
| Business Goals: | Nâng cao sự hài lòng và gắn kết của khách hàng bằng cách cung cấp trải nghiệm đặt phòng di động trực quan và thuận tiện. |
| Relevant Quality: | Khả năng sử dụng (Usability) |
| Attributes: | Tính trực quan, dễ điều hướng |
| Scenario Components: | Người dùng mở ứng dụng di động CGV để duyệt danh sách phim hoặc đặt vé.  Người dùng tìm kiếm một bộ phim cụ thể, chọn lịch chiếu và tiến hành đặt vé. |
| Stimulus: | Người dùng tương tác với giao diện ứng dụng di động để thực hiện các tác vụ như duyệt phim, chọn chỗ ngồi và hoàn tất đặt chỗ. |
| Stimulus Source: | Khách hàng sử dụng ứng dụng di động CGV trên điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng. |
| Environment: | Nhiều thiết bị di động khác nhau chạy ứng dụng di động CGV, đại diện cho các kích thước màn hình, độ phân giải và hệ điều hành khác nhau. |
| Response: | Giao diện ứng dụng dành cho thiết bị di động phải trực quan và dễ điều hướng, có nhãn rõ ràng và các mẫu thiết kế nhất quán. Người dùng có thể nhanh chóng tìm thấy thông tin liên quan về phim, xem lịch chiếu, chọn chỗ ngồi và hoàn tất việc mua vé mà không bối rối hay thất vọng. |
| Measure: | Tỷ lệ thành công của nhiệm vụ: Phần trăm người dùng hoàn thành thành công các nhiệm vụ thông thường (ví dụ: tìm kiếm phim, đặt vé) mà không gặp lỗi.  Thời gian hoàn thành nhiệm vụ: Thời gian trung bình để người dùng thực hiện các hành động chính, chẳng hạn như tìm kiếm phim hoặc đặt vé.  Xếp hạng mức độ hài lòng của người dùng: Phản hồi được thu thập từ người dùng về trải nghiệm chung của họ với ứng dụng dành cho thiết bị di động, bao gồm tính dễ sử dụng, hướng dẫn rõ ràng và mức độ hài lòng với quy trình đặt chỗ.  Tỷ lệ lỗi: Tần suất xảy ra lỗi hoặc nhầm lẫn của người dùng khi điều hướng ứng dụng, chẳng hạn như chọn sai phim hoặc gặp phải vấn đề về khả năng sử dụng. |